TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 7 năm 2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
*Các Hội thẩm nhân dân**:***
Ông Phạm Văn Độ
Bà Đoàn Thị Dịu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2017 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Thế H, địa chỉ: Đội 10, thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị H, địa chỉ: Đội 10, thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt anh Phạm Thế H và Vũ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là anh Phạm Thế H trình bày:

Anh và chị Vũ Thị H đăng ký kết hôn năm 1981 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau cưới vợ chồng chung sống bình thường và đã có 3 con chung, khoảng hai năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm, cô H còn nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người khác nhưng thực ra anh không có quan hệ bất chính với ai. Cô H còn xúi giục các con từ bỏ anh và đã có lần con đánh anh, vợ chồng mâu thuẫn cẳng thẳng nhất là khoảng hai năm

nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau nên làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị H sinh ngày 04/9/1985, Phạm Văn H1 sinh ngày 04/1/1987, Phạm Văn H2 sinh ngày 18/10/1989, anh không đề nghị giải quyết về con chung vì hiện nay con chung đã trưởng thành, tự lập.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị đơn là chị Vũ Thị H trình bày:

Chị xác nhận thời gian kết hôn đúng như anh H đã trình bày ở trên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, mấy năm gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân; Do một phần kinh tế gia đình khó khăn, anh H nói chị tiêu pha hoang phí, nhưng thực tế là chị chỉ chăm lo cho gia đình. Mặt khác anh H đi làm xa có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh H xin ly hôn, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì các con, vì gia đình nên chị mong anh H suy nghĩ lại, chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị H sinh ngày 04/9/1985, Phạm Văn H1 sinh ngày 04/1/1987, Phạm Văn H2 sinh ngày 18/10/1989, hiện nay con chung đã trưởng thành, tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Quá trình tố tụng tại Tòa án, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên chị không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung, không nộp tiền định giá tài sản.

Công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh H: Anh H đề nghị được ly hôn với chị Vũ Thị H. Về con chung, tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Chị H: Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì các con, vì gia đình chị mong anh H suy nghĩ lại, chị không đồng ý ly hôn. Nếu anh H vẫn xin ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn nhưng với điều kiện, anh H phải sang tên thổ đất của bà Phạm Thị Q cho hai con trai của vợ chồng là Phạm Văn H1, Phạm Văn H2 nhưng chị không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung, không nộp tiền định giá tài sản, vì chị là bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tung: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Thế H. Về con chung; các con của anh H đã trưởng thành, tự lập được nên không xem xét. Về tài sản, công nợ: Anh H không đề nghị giải quyết. Quá trình tố tụng, chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản. Tại phiên

Tòa; Chị H đề nghị giải quyết về tài sản nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung. Do vậy, không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản, công nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thế H và chị Vũ Thị H kết hôn với nhau năm 1981 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bình thường và đã có 03 con chung. Khoảng hai năm trở lại đây vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn; Do bất đồng quan điểm, chị H cho rằng anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Qua thu thập tại địa phương thì không có căn cứ chứng minh việc anh H có quan hệ bất chính với ai, vợ chồng anh H, chị H đã mâu thuẫn từ lâu. Nay anh H xin ly hôn, chị H không nhất trí ly hôn.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Thế H và chị Vũ Thị H đã đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H là phù hợp với Điều 56 của luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 03 con chung là Phạm Thị H sinh ngày 04/9/1985, Phạm Văn H1 sinh ngày 04/1/1987, Phạm Văn H2 sinh ngày 18/10/1989. Hiện nay con chung đã trưởng thành, tự lập được, vợ chồng đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản, công nợ: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết. Quá trình tố tụng chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản. Tại phiên tòa Chị H yêu cầu giải quyết về tài sản nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung, nên không xem xét giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Anh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Thế H và chị Vũ Thị H.

2. Án phí: Anh Phạm Thế H phải nộp 300.000 đồng, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000699 ngày 10/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày; anh Phạm Thế H và chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu